

Số: 19/NQ-HĐND

Lạc Đạo, ngày 22 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ ngân sách xã năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ LẠC ĐẠO
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết số 790/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng yên về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ngày 12/12/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Kết luận số 02-KL/ĐU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lạc Đạo tại hội nghị lần thứ 5 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Xét Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BKTNS ngày

17/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng thu và chi ngân sách xã năm 2026

1.1. Tổng thu ngân sách xã là 596.400 triệu đồng, bao gồm

a) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 366.340 triệu đồng;

b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 230.060 triệu đồng

1.2. Tổng số chi ngân sách địa phương là: 596.400 triệu đồng.

a) Chi đầu tư phát triển: 350.000 triệu đồng

b) Chi thường xuyên 203.591 triệu đồng

c) Chi dự phòng 5.544 triệu đồng

d) Chi bổ sung từ ngân sách tỉnh: 37.265 triệu đồng

2. Phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026

Dự toán chi ngân sách xã năm 2026: 596.400 triệu đồng, trong đó:

a) Chi đầu tư XD CB: 350.000 triệu đồng.

(Chi tiết phân bổ vốn theo Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư công năm 2026)

b) Chi thường xuyên: 203.591 triệu đồng

c) Chi dự phòng: 5.544 triệu đồng

d) Chi bổ sung từ ngân sách tỉnh: 37.265 triệu đồng

(Chi tiết tại các phụ biểu 34, 35, 36, 37 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và Kết luận ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Lạc Đạo về thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách nhà nước năm 2025, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Kế hoạch đầu tư công năm 2026. Trong đó tập trung chỉ đạo một số nội dung sau:

a) Thực hiện dự toán ngân sách xã phải đúng quy định, đẩy mạnh công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm kỷ cương tài

chính, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

b) Chi ngân sách nhà nước theo dự toán được duyệt, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên. Giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, hạn chế mua sắm trang thiết bị có giá trị lớn chưa cần thiết. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý, chi ngân sách nhà nước, quản lý chặt chẽ dự toán ngân sách nhà nước.

c) Dành nguồn tăng thu để chi đầu tư phát triển, hỗ trợ hộ nghèo, đối tượng chính sách, tạo nguồn cải cách tiền lương và hỗ trợ mua sắm sửa chữa để nâng cao chất lượng dịch vụ công.

d) Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương, trích lập tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 còn dư chuyển sang (nếu có).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của pháp luật, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Lạc Đạo khóa XXII, kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính;
- BTV Đảng ủy; TT HĐND; LĐ UBND xã;
- UBMTTQ VN xã; Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các Ban HĐND xã; các đại biểu HĐND xã;
- Các đơn vị liên quan; Công TT điện tử xã;
- Lưu: VT./.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Cường



Biểu mẫu số 34

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lạc Đạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	B	2
	TỔNG CHI NSDP	596.400.000
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	559.135.000
I	Chi đầu tư phát triển (1)	350.000.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	350.000.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	350.000.000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
II	Chi thường xuyên	203.591.000
	Trong đó:	
1	Chi quốc phòng, trật tự an toàn xã hội	908.000
1.1	Chi quốc phòng, quân sự	818.000
	Trong đó quỹ thưởng	23.419
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	90.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	112.909.000
3	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.340.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.925.000
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình	679.000
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.044.000
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	17.957.000
8	Các hoạt động kinh tế	3.708.000
8.1	Sự nghiệp giao thông	1.467.000
8.2	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi nội đồng, phòng chống lụt bão, thiên tai, phòng chống dịch bệnh	232.000
8.3	Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính, tài nguyên địa chính (gồm cả khảo sát giá đất), sự nghiệp kinh tế khác	1.000.000
8.4	Kinh phí hỗ trợ hoạt động bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	1.009.000
8.5	Các hoạt động kinh tế khác	
9	Hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.323.000
10	Chi khác	1.019.000
11	Chi khen thưởng	1.019.000
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	



IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	
V	Dự phòng ngân sách	5.544.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	37.265.000
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	37.265.000
	<i>Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn ngân sách trung ương</i>	19.090.000
	<i>Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội</i>	18.175.000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TUNG CỎ QUẬN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lạc Đạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CHI NSDP	596.400.000	350.000.000	240.856.000			5.544.000					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	559.135.000	350.000.000	203.591.000			5.544.000					
I	Chi đầu tư phát triển (1)	350.000.000	350.000.000									
1	Chi đầu tư cho các dự án	350.000.000	350.000.000									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	350.000.000	350.000.000									
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0										
II	Chi thường xuyên	203.591.000		203.591.000								
	Trong đó:											
1	Chi quốc phòng, trật tự an toàn xã hội	908.000	0	908.000								
1.1	Chi quốc phòng, quân sự (Ban chỉ huy quân sự)	818.000		818.000								
	Trong đó quỹ thường	23.419		23.419								
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội (Công an xã)	90.000		90.000								
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	112.909.000		112.909.000								
	Trong đó:											
	Trường Mầm non Lạc Đạo	11.943.806		11.943.806								
	Trường Mầm non Chi Đạo	9.038.910		9.038.910								
	Trường Mầm non Minh Hải	10.745.664		10.745.664								
	Trường Tiểu học Lạc Đạo	15.655.050		15.655.050								
	Trường Tiểu học Minh Hải	12.299.064		12.299.064								
	Trường THCS Lạc Đạo	13.615.381		13.615.381								
	Trường THCS Minh Hải	12.782.512		12.782.512								
	Trường Tiểu học và THCS Chi Đạo	17.134.409		17.134.409								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Văn hóa xã hội)	244.869		244.869								
	Trung tâm chính trị xã Lạc Đạo	711.000		711.000								
3	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.340.000		2.340.000								
	Văn phòng HĐND và UBND xã	10.000		10.000								
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	10.000		10.000								
	Trung tâm phục vụ hành chính công xã	10.000		10.000								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Kinh tế xã)	35.000		35.000								
	Trường Mầm non Lạc Đạo	23.820		23.820								
	Trường Mầm non Chi Đạo	23.820		23.820								
	Trường Mầm non Minh Hải	23.820		23.820								
	Trường Tiểu học Lạc Đạo	57.870		57.870								
	Trường Tiểu học Minh Hải	45.810		45.810								
	Trường THCS Lạc Đạo	50.620		50.620								
	Trường THCS Minh Hải	44.920		44.920								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
	Trường Tiểu học và THCS Chi Đạo	62.320		62.320								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Kinh tế xã)	952.000		952.000								
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	50.000		50.000								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Văn hóa xã hội)	940.000		940.000								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.925.000		11.925.000								
	Trong đó											
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Kinh tế xã)	2.864.000		2.864.000								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Văn hóa xã hội)	3.920.000		3.920.000								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Văn hóa xã hội) - Trạm Y tế xã	4.388.848		4.388.848								
	Văn phòng Đảng ủy	48.000		48.000								
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình (Trung tâm dịch vụ văn hóa xã hội)	671.500		671.500								
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Phòng Kinh tế xã)	2.044.000		2.044.000								
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	17.957.000		17.957.000								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Kinh tế xã)	49.000		49.000								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Văn hóa xã hội)	17.908.000		17.908.000								
8	Các hoạt động kinh tế (Phòng Kinh tế xã)	3.708.000		3.708.000								
8.1	Sự nghiệp giao thông	1.467.000		1.467.000								
8.2	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi nội đồng, phòng chống lụt bão, thiên tai, phòng chống dịch bệnh	232.000		232.000								
8.3	Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính, tài nguyên địa chính (gồm cả khảo sát giá đất), sự nghiệp kinh tế khác	1.000.000		1.000.000								
8.4	Kinh phí hỗ trợ hoạt động bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	1.009.000		1.009.000								
8.5	Các hoạt động kinh tế khác	0		0								
9	Hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.323.000		32.323.000								
	Trong đó											
	Văn phòng HĐND và UBND xã	9.855.203		9.855.203								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Kinh tế xã)	1.918.965		1.918.965								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Phòng Văn hóa - Xã hội xã)	2.761.613		2.761.613								
	Văn phòng HĐND và UBND xã (Quản sự xã)	544.752		544.752								
	Trung tâm phục vụ hành chính công xã	1.585.693		1.585.693								
	Văn phòng Đảng ủy	9.245.011		9.245.011								

[illegible]

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lạc Đạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

[illegible]

[illegible]